

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/DS-PT
Ngày: 20/7/2020
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Bà Lâm Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “*Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T., tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Mỹ P., sinh năm 1970; Nơi cư trú: Tổ 02, khóm 3, thị trấn T., huyện T., tỉnh An Giang (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn D., sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ 03, ấp A., xã L., huyện T., tỉnh An Giang (Có mặt)

3. Người làm chứng: Ông Bành Trí N., sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 279, khóm 8, phường C., thành phố C., tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2019 của nguyên đơn với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, bà Đặng Mỹ P. trình bày:

Bà là chủ phương tiện xe ô tô tải có mui, biển số 67C-042.42, giấy chứng nhận đăng ký xe số 018699, do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh An Giang cấp ngày 01/10/2018 mang tên Đặng Mỹ P., bà có mua bảo hiểm tai nạn dân sự tại Công ty Bảo hiểm Bảo Việt An Giang, theo hợp đồng Bảo hiểm số AGI.D10.OT.18.HD 1958 ngày 14/8/2018.

Với xe trên, bà kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa trong và ngoài tỉnh. Quá trình kinh doanh bà có thuê Bùi Văn D. làm tài xế lái xe, hợp đồng thuê chỉ thỏa thuận miệng theo tua, không ổn định lâu dài, nhưng lặp đi lặp lại nhiều lần.

Ngày 01/8/2019 bà thuê D. lái xe chở hàng hóa, khi xe từ thành phố Hồ Chí Minh về đến đường Trần Hưng Đạo – đoạn cầu Cái Sơn thuộc phường M., thành phố L., tỉnh An Giang lúc khoảng 05 giờ 00 thì gây ra tai nạn, nguyên nhân theo D. khai do xe phía trước thắng gấp, D. không chú ý nên xe va chạm vào gây thiệt hại. Cụ thể: Chi phí khắc phục sửa chữa xe 116.656.000 đồng, bổ sung phần sơn xe 5.000.000 đồng; xe ngưng hoạt động 03 tháng (01/8/2019 – 02/11/2019) với mỗi tháng mất thu nhập 35.000.000 đồng = 105.000.000 đồng. Tổng cộng 226.656.000 đồng.

Lẽ ra khi tai nạn, D. phải kịp thời thông báo để bà trình báo Công an nơi xảy ra nhằm bảo vệ hiện trường cho cơ quan có thẩm quyền lập biên bản, xác định lỗi yêu cầu Bảo hiểm thanh toán thiệt hại, nhưng D. tự ý thỏa thuận với chủ xe mà D. điều khiển va chạm rồi tự động cho xe ấy chạy đi, từ đó cơ quan có thẩm quyền không lập được biên bản hiện trường, Công ty Bảo hiểm không có chứng cứ để thanh. Nay bà yêu cầu ông Bùi Văn D. phải bồi thường tổng thiệt hại nêu trên.

Bị đơn ông Bùi Văn D. trình bày:

Ông là tài xế lái xe tải, bà P. thường xuyên thuê ông lái xe cho bà vận chuyển hàng hóa, hợp đồng chỉ thỏa thuận miệng theo tua. Ngày 01/8/2019, ông có nhận lái xe ô tô tải có mui, biển số 67C-042.42 nói trên của bà P. để vận chuyển hàng từ thành phố Hồ Chí Minh về T.. Khoảng 05 giờ 00 cùng ngày, khi xe về đến đường Trần Hưng Đạo – đoạn cầu Cái Sơn thuộc phường M., thành phố L., tỉnh An Giang thì gây ra tai nạn; nguyên nhân do trời tối, mưa, đường trơn trượt và xe container phía trước thắng gấp, ông không chú ý nên xe do ông lái va chạm vào làm xe hư hỏng gây thiệt hại như bà P. trình bày. Còn xe container không hư hỏng gì nên ông và chủ xe đó tự thỏa thuận không bồi thường, xe container chạy đi.

Tuy nhiên, ngay sau đó ông có điện thoại cho người quản lý xe của bà P. là ông Bành Trí N.; ông N. bảo ông chạy xe về hãng Ford An Giang để Bảo hiểm cử nhân viên đến giám định, ông chạy xe về hãng Ford thì được nhân viên Bảo Hiểm chụp hình nhưng yêu cầu có camera, do xe không có camera hành trình nên ông nhờ Công an xác nhận. Sau đó, Bảo Hiểm vẫn không đồng ý bồi thường nên bà P. đổ lỗi do ông tạo hiện trường giả và lăng mạ ông. Nay, ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà P..

Người làm chứng, ông Bành Trí N. trình bày:

Ông với bà P., ông D. không có quan hệ bà con, chỉ quen biết nhau qua việc ông là người trung gian (cò) hàng hóa mà bà P. là chủ xe tải, ông D. là lái xe cho bà P.. Khi xe không có hàng thì điện thoại thông qua ông và ông tìm khách hàng có nhu cầu vận chuyển hàng hóa để hưởng phí.

Xe ô tô tải biển số 67C-042.42, chính do bà P. quản lý chứ không phải ông, nên nội dung ông D. trình bày như trên là hoàn toàn không đúng.

Tuy nhiên, ông nhớ vào ngày 01/8/2019 D. có điện thoại cho ông báo lái xe gây tai nạn. Nhưng lúc đó tai nạn đã xảy ra và D. đã tự giải quyết xong rồi mới điện, ông trả lời với D. chuyện gì đó thì D. điện thoại cho chủ xe của D. rồi thôi. Từ đó, ông không nói và không liên lạc gì với D..

Ngoài ra, ông cho biết ông kinh doanh xe ô tô tải từ 25 năm nay, hiện đang kinh doanh 04 xe (02 xe 10 tấn, 01 xe 13 tấn và 01 xe 15 tấn). Qua kinh doanh, ông thấy xe tải trọng 15 tấn của bà P. cũng như xe tải trọng 15 của ông thì trung bình mỗi tháng vận chuyển từ 12 đến 15 chuyến, giá từ An Giang lên thành phố Hồ Chí Minh nhận phí từ 4.000.000 đồng đến 4.500.000 đồng, còn chuyển về nhận 5.500.000 đồng. Sau khi trừ toàn bộ chi phí, lợi nhuận thu được ít nhất còn 40.000.000 đồng/01 xe tải 15 tấn.

Giai đoạn hòa giải các bên thống nhất: Bà P. có hợp đồng miệng với ông D. lái xe ô tô tải biển số 67C-042.42 chở hàng hóa, khi đến đường Trần Hưng Đạo – đoạn cầu Cái Sơn thuộc phường M., thành phố L., thì gây ra tai nạn và thiệt hại với tổng cộng 226.656.000 đồng, nhưng không thống nhất bồi thường.

Tại phiên tòa, bà P. rút lại một phần yêu cầu về bồi thường thiệt hại bổ sung phần sơn xe 5.000.000 đồng, những phần thiệt hại còn lại bà giữ nguyên; riêng ông D. vẫn không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T. tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu khởi kiện của bà Đặng Mỹ P.. Buộc ông Bùi Văn D. phải bồi thường thiệt hại cho bà Đặng Mỹ P. số tiền 147.770.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Mỹ P. buộc ông Bùi Văn D. phải bồi thường thêm 73.886.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Đặng Mỹ P. về phần bồi thường thiệt hại bổ sung tiền sơn 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/3/2020 ông Bùi Văn D. có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm số 04/2020/DSST ngày 28/2/2020 của Tòa án nhân dân huyện T. để bảo vệ lợi ích chính đáng cho ông D., vì hoàn cảnh ông D. gặp rất nhiều khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đặng Mỹ P. rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông D. bồi thường 105.000.000 đồng chi phí thiệt hại mất thu nhập do xe ngưng hoạt động. Bà vẫn tiếp tục yêu cầu ông D. phải bồi thường chi phí khắc phục sửa chữa xe là 116.656.000 đồng.

Ông Bùi Văn D. vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, yêu cầu Tòa án chấp nhận kháng cáo của ông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Thực tế thiệt hại có xảy ra, xe tải bị hư hỏng 70% và trong trường hợp này có lỗi của ông D. nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D. bồi thường thiệt hại là có cơ sở, tuy nhiên lỗi của ông D. là do vô ý gây thiệt hại. Hiện tại, ông D. là lao động chính trong gia đình, sống với cha mẹ già cùng vợ và hai con nhỏ do đó việc bồi thường là vượt quá khả năng nên cần xem xét giảm mức độ bồi thường, buộc ông D. có trách nhiệm bồi thường 2/3 số thiệt hại chi phí sửa chữa xe ($\frac{2}{3} \times 116.656.000$ đồng) tương đương 77.770.000 đồng là phù hợp. Còn đối với số tiền mất thu nhập 105.000 đồng, bà P. là chủ xe nhưng không đem xe đi sửa chữa dẫn đến thiệt hại thì không phải hoàn toàn do lỗi của ông D.. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ lời khai của ông Bành Trí N. – người có lời khai đối lập với ông D. để xác định thiệt hại mất thu nhập hàng tháng là không khách quan. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà P. rút lại yêu cầu này. Việc rút yêu cầu của bà P. là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được xem xét chấp nhận. Đối với chi phí sơn xe, bà P. tự nguyện rút yêu cầu và Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử là phù hợp. Từ các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bùi Văn D., sửa bản án sơ thẩm: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường mất thu nhập của bà P., buộc ông D. phải bồi thường cho bà P. số tiền 77.770.000 đồng và tuyên về phần án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Văn D. kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà Đặng Mỹ P. rút lại một phần yêu cầu về bồi thường thiệt hại bổ sung phần sơn xe 5.000.000 đồng là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là phù hợp và các đương sự không có kháng cáo nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Đặng Mỹ P. tiếp tục rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông D. bồi thường 105.000.000 đồng chi phí thiệt

hại mất thu nhập do xe ngưng hoạt động. Xét đây là sự tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu này và không đề cập xem xét.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông D.:

[4.1] Về xác định thiệt hại: Trong quá trình xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, bà P. đã rút các yêu cầu về bồi thường thiệt hại bổ sung phần sơn xe và chi phí mất thu nhập; bà chỉ yêu cầu bồi thường chi phí khắc phục sửa chữa xe là 116.656.000 đồng, có chứng cứ chứng minh là Hợp đồng sửa chữa số 041019/WTFA/HDSC-19 ngày 04/10/2019 kèm phiếu báo giá ngày 02/8/2019 nên cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

[4.2] Về xác định lỗi: Bà P. thuê ông D. lái xe vận chuyển hàng hóa, tuy rằng hai bên không lập thành văn bản, nhưng đây cũng là một hình thức của hợp đồng nên người lái xe phải chịu trách nhiệm bảo quản tài sản và hàng hóa của chủ xe, việc này ông D. thực hiện không đúng để trong lúc lái xe không chú ý, thiếu quan sát, khi xe phía trước thắng gấp thì không làm chủ được tốc độ để xe va chạm vào gây thiệt hại tài sản cho bà P. buộc bà phải sửa chữa là thể hiện hành vi trái pháp luật của ông D.. Mặt khác, khi sự việc xảy ra ông D. không thông báo cho bà P. hoặc cơ quan có thẩm quyền để bảo vệ hiện trường thu giữ chứng cứ, nhằm thanh toán bảo hiểm mà tự ý xử lý với người lái xe khác để rồi cơ quan bảo hiểm không đồng ý bồi thường là lỗi ông D., nên cấp sơ thẩm nhận định ông D. có nghĩa vụ bồi thường cho bà P. là phù hợp.

[4.3] Theo nguyên tắc người gây thiệt hại phải bồi thường toàn bộ và kịp thời, nhưng xét thấy lỗi của ông D. là do vô ý gây thiệt hại. Ngoài ra, ông D. là lao động chính trong gia đình, thu nhập từ việc lái xe thuê, sống với cha mẹ già cùng vợ và hai con nhỏ; do đó việc bồi thường toàn bộ là vượt quá khả năng nên Hội đồng xét xử nghĩ nên xem xét giảm mức độ bồi thường, buộc ông D. có trách nhiệm bồi thường bằng 2/3 số thiệt hại chi phí sửa chữa xe ($\frac{2}{3} \times 116.656.000$ đồng) tương đương 77.770.000 đồng như đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo ông D., sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Mỹ P. phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Bùi Văn D. bị buộc phải bồi thường cho bà P. nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn D. không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn D..

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28/2/2020 của Toà án nhân dân huyện T., tỉnh An Giang.

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 144, Điều 147, Điều 148, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Mỹ P..

Buộc ông Bùi Văn D. phải bồi thường cho bà Đặng Mỹ P. số tiền 77.770.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Mỹ P. buộc ông Bùi Văn D. phải bồi thường 38.886.000 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

3. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu của bà Đặng Mỹ P. về bồi thường thiệt hại bổ sung phần sơn xe 5.000.000 đồng và chi phí mất thu nhập 105.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

4. Về án phí:

- Án dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Mỹ P. phải chịu 1.944.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 5.666.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009617 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.; bà P. được nhận lại số tiền 3.722.000 đồng (Ba triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Ông Bùi Văn D. phải chịu 3.888.000 đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn D. không phải chịu án phí, được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm được theo biên lai thu số 0000149 ngày 06/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và Điều

9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự “Để thi hành”;
- Lưu: HS; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng